

QUY CHẾ

Về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hà Nam
(Kèm theo Quyết định số 30/2024/QĐ-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hà Nam, bao gồm: nguyên tắc khen thưởng; hình thức, nội dung và trách nhiệm tổ chức phong trào thi đua; tiêu chuẩn, thẩm quyền xét tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; đăng ký thi đua; tổ chức cụm, khối thi đua và công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các tập thể, cá nhân; quy trình, hồ sơ đề nghị khen thưởng; Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp; quỹ thi đua, khen thưởng; quản lý nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng.

2. Những nội dung về công tác thi đua, khen thưởng không quy định trong văn bản này được thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy chế này áp dụng đối với công dân trong tỉnh, ngoài tỉnh, các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, hộ gia đình; cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cá nhân, tập thể người nước ngoài, cơ quan, tổ chức nước ngoài và các tổ chức quốc tế ở Việt Nam có thành tích đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của tỉnh Hà Nam.

2. Cụm thi đua, khối thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hoặc công nhận thành lập.

Điều 3. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng

Nguyên tắc thi đua, khen thưởng được thực hiện theo quy định tại Điều 5 Luật Thi đua, khen thưởng và một số quy định cụ thể sau:

1. Cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý xem xét khen thưởng kịp thời theo thẩm quyền, đề nghị cấp trên khen thưởng đối với trường hợp đạt thành tích xuất sắc, tiêu biểu.

2. Trong một thời điểm, mỗi cá nhân chỉ đề nghị một danh hiệu thi đua cấp tỉnh hoặc hình thức khen thưởng cấp tỉnh hoặc cấp Nhà nước (trừ trường hợp đề nghị tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc; khen thưởng thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất, khen thưởng quá trình công hiến).

3. Kết quả khen thưởng thành tích đột xuất, thi đua theo chuyên đề không dùng làm căn cứ xét đề nghị cấp trên khen thưởng công trạng (khen tổng kết năm).

4. Chưa khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng cho cá nhân, thủ trưởng hoặc người được phân công phụ trách trực tiếp có cấp dưới thuộc đơn vị, địa phương mình sai phạm, tập thể trong thời gian cơ quan có thẩm quyền đang xem xét thi hành kỷ luật hoặc điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo, có vấn đề tham nhũng, tiêu cực được báo chí nêu đang được xác minh, làm rõ.

Trường hợp cá nhân, tập thể bị kỷ luật, sau khi chấp hành xong thời gian kỷ luật, cá nhân, tập thể lập được thành tích thì thành tích khen thưởng được tính từ thời điểm chấp hành xong thời gian kỷ luật.

5. Khi có nhiều cá nhân, tập thể cùng đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì lựa chọn cá nhân nữ hoặc tập thể có tỷ lệ nữ từ 70% trở lên để xét khen thưởng.

6. Thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng quá trình cống hiến đối với cá nhân là nữ lãnh đạo, quản lý được giảm 1/3 thời gian so với quy định chung. Trường hợp cá nhân nữ lãnh đạo, quản lý thuộc đối tượng được quy định tuổi nghỉ hưu cao hơn thì thời gian để xét khen thưởng quá trình cống hiến thực hiện theo quy định chung.

7. Đối với các tổ chức Hội (có tư cách pháp nhân) được đề nghị khen thưởng cho tập thể, cá nhân nhân dịp tổ chức Đại hội nhiệm kỳ (đã được sự đồng ý tổ chức Đại hội của cơ quan có thẩm quyền) hoặc đề nghị khen thưởng cho tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng dịp tổng kết năm cho các tập thể, cá nhân thuộc tổ chức Hội có kết quả hoạt động xuất sắc, tiêu biểu, phạm vi ảnh hưởng lớn trong tỉnh.

8. Đối với việc khen thưởng tổng kết năm của tỉnh:

Khi xét khen thưởng người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị phải căn cứ vào thành tích của tập thể do cá nhân đó lãnh đạo, quản lý.

9. Đối với việc khen thưởng phong trào thi đua theo chuyên đề:

a) Chuyên đề thi đua do cấp nào, đơn vị nào phát động thì cấp đó, đơn vị đó xét khen thưởng. Trường hợp tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc, phạm vi ảnh hưởng lớn đối với tỉnh thì cấp đó, đơn vị đó trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét khen thưởng.

b) Không khen thưởng các chuyên đề công tác khi không báo cáo với Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ); không có văn bản chỉ đạo, kế hoạch của đơn vị chủ trì, phát động thi đua; chuyên đề được phát động không xác định rõ mục đích, yêu cầu, nội dung, chỉ tiêu thời gian thực hiện. Trước khi xét khen thưởng cho các tập thể, cá nhân, đơn vị chủ trì thực hiện chuyên đề phải phối hợp với Sở Nội vụ để được hướng dẫn về tiêu chuẩn, số lượng làm căn cứ xét chọn khen thưởng.

c) Chú trọng khen thưởng cho các tập thể, cá nhân trực tiếp tham gia phong trào thi đua chuyên đề.

d) Trong một năm, Ủy ban nhân dân tỉnh tặng không quá 02 Bằng khen (chuyên đề) đối với tập thể và cá nhân tham gia nhiều chuyên đề thi đua.

đ) Đối với các chuyên án của lực lượng vũ trang, chỉ khen thưởng đối với chuyên án lớn, được dư luận đặc biệt quan tâm, có tầm ảnh hưởng, tác dụng nêu gương học tập trong toàn tỉnh trở lên.

10. Đối với khen thưởng đột xuất

Khen thưởng đột xuất là khen thưởng kịp thời cho cá nhân, tập thể, hộ gia đình lập được thành tích xuất sắc đột xuất;

Địa phương, đơn vị nơi tập thể, cá nhân lập được thành tích đột xuất tiến hành khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

Chương II **HÌNH THỨC, NỘI DUNG VÀ TRÁCH NHIỆM** **TỔ CHỨC PHONG TRÀO THI ĐUA**

Điều 4. Hình thức tổ chức thi đua

Hình thức tổ chức thi đua được quy định tại Điều 2, Thông tư số 01/2024/TT-BNV ngày 24 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định biện pháp thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng (sau đây viết tắt là Thông tư số 01/2024/TT-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ), cụ thể:

1. Thi đua thường xuyên là hình thức thi đua căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của cá nhân, tập thể để tổ chức phát động, nhằm thực hiện tốt công việc hàng ngày, hàng tháng, hàng quý, hàng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Đối tượng thi đua thường xuyên là các cá nhân trong một tập thể, các tập thể trong cùng một cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị có chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc tương đồng nhau được chia theo khối thi đua, cụm thi đua.

Việc tổ chức phong trào thi đua thường xuyên phải xác định rõ mục đích, yêu cầu, mục tiêu, các chỉ tiêu cụ thể và được triển khai thực hiện tại cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc theo cụm thi đua, khối thi đua để phát động phong trào thi đua, ký kết giao ước thi đua. Kết thúc năm công tác, thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, trưởng các cụm thi đua, khối thi đua tiến hành tổng kết và bình xét các danh hiệu thi đua.

2. Thi đua theo chuyên đề là hình thức thi đua nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm hoặc một lĩnh vực cần tập trung được xác định trong khoảng thời gian nhất định để phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Chỉ phát động thi đua theo chuyên đề khi đã xác định rõ thời gian mục đích, yêu cầu, chỉ tiêu, nội dung và giải pháp cụ thể.

Khi tổ chức phong trào thi đua theo chuyên đề, các đơn vị gửi kế hoạch tổ chức phát động phong trào thi đua về Sở Nội vụ (qua Phòng Thi đua, khen thưởng) để theo dõi, tổng hợp, đối chiếu khi thẩm định hồ sơ khen thưởng.

Điều 5. Nội dung tổ chức phong trào thi đua

Nội dung tổ chức phong trào thi đua được quy định tại Điều 3 Thông tư số 01/2024/TT-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, cụ thể:

Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm triển khai tổ chức phong trào thi đua trong phạm vi quản lý theo một số nội dung sau:

1. Tổ chức phong trào thi đua gắn với chức năng, nhiệm vụ được giao hoặc mục tiêu, định hướng, chiến lược phát triển của cơ quan, đơn vị, tổ chức. Phong trào thi đua phải có chủ đề, tên gọi dễ nhớ, dễ hiểu, có chỉ tiêu, nội dung, kế hoạch, phương pháp thi đua cụ thể, thiết thực, phù hợp với điều kiện, khả năng tham gia của cá nhân, tập thể, hộ gia đình.

2. Triển khai nhiều biện pháp tuyên truyền, vận động cá nhân, tập thể, hộ gia đình tích cực hưởng ứng, tham gia các phong trào thi đua. Thường xuyên đôn đốc, theo dõi quá trình tổ chức thực hiện; chú trọng công tác chỉ đạo điềm, hướng dẫn, kiểm tra đối với phong trào thi đua có thời gian thực hiện từ 03 năm trở lên; phát hiện nhân tố mới, điển hình tiên tiến để tuyên truyền, biểu dương, nhân rộng. Sơ kết, tổng kết khen thưởng các cá nhân, tập thể, hộ gia đình có thành tích trong phong trào thi đua. Tăng cường phổ biến các sáng kiến, kinh nghiệm, cách làm hay, sáng tạo, hiệu quả để cá nhân, tổ chức, hộ gia đình khác học tập và làm theo.

3. Tổng kết phong trào thi đua phải đánh giá đúng kết quả, hiệu quả, tác dụng; tồn tại, hạn chế và nguyên nhân; đồng thời rút ra những bài học kinh nghiệm trong việc tổ chức phong trào thi đua. Việc bình xét, công nhận danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng phải đảm bảo nguyên tắc chính xác, công khai, minh bạch, công bằng; kịp thời khen thưởng các cá nhân, tập thể, hộ gia đình tiêu biểu xuất sắc; khuyến khích khen thưởng cá nhân là nông dân, công nhân, người yếu thế, khuyết tật; tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong lao động, sản xuất, học tập, công tác; cán bộ, công chức, viên chức năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá vì lợi ích chung.

Điều 6. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân trong triển khai, tổ chức phong trào thi đua

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh, các đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, lãnh đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị chủ trì, phối hợp với tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cùng cấp để tổ chức phát động, chỉ đạo tổ chức triển khai phong trào thi đua trong phạm vi quản lý; chủ động phát hiện, lựa chọn các cá nhân, tập thể, hộ gia đình có thành tích xứng đáng để khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng; tuyên truyền, tôn vinh, nhân rộng các điển hình tiên tiến và tạo điều kiện để cá nhân, tập thể, hộ gia đình được khen thưởng cấp Nhà nước được trao đổi, giao lưu, phổ biến kinh nghiệm, nhân rộng những sáng kiến, mô hình hay, sáng tạo, cách làm hiệu quả.

2. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp trong tỉnh, các tổ chức thành viên của Mặt trận, các tổ chức xã hội khác trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình:

a) Tổ chức hoặc phối hợp với các cơ quan nhà nước để phát động, triển khai các cuộc vận động, các phong trào thi đua, phổ biến kinh nghiệm, nhân rộng các điển hình tiên tiến.

b) Phối hợp, thống nhất hành động giữa các tổ chức thành viên; tham gia với các cơ quan chức năng tuyên truyền, động viên đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân tham gia phong trào thi đua và thực hiện chính sách khen thưởng.

c) Giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng và phản biện xã hội đối với dự thảo chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng; kịp thời phản ánh, đề xuất các giải pháp để thực hiện các quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

3. Cơ quan, tổ chức, đơn vị tham mưu, giúp việc về công tác thi đua, khen thưởng các cấp, các ngành căn cứ vào nhiệm vụ, chỉ tiêu cụ thể của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, 5 năm và nhiệm vụ chính trị được giao của cơ quan, tổ chức, đơn vị cùng cấp để tham mưu, đề xuất với cấp ủy đảng, chính quyền về chủ trương, nội dung, chương trình, kế hoạch, biện pháp thi đua; đặc biệt coi trọng công tác tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân tham gia phong trào thi đua; chủ động phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc trong việc hướng dẫn, tổ chức các phong trào thi đua và kiểm tra việc thực hiện; tham mưu sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua, nhân rộng các điển hình tiên tiến; đề xuất khen thưởng và các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác thi đua, khen thưởng.

4. Cơ quan thông tin đại chúng thường xuyên tuyên truyền mục đích, ý nghĩa của phong trào thi đua yêu nước theo tư tưởng Hồ Chí Minh; chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng; vị trí vai trò, tầm quan trọng của thi đua yêu nước trong sự nghiệp cách mạng; đẩy mạnh tuyên truyền các phong trào thi đua yêu nước; phản ánh đúng kết quả, bài học kinh nghiệm trong tổ chức thực hiện các phong trào thi đua yêu nước, những đổi mới trong công tác thi đua, khen thưởng của địa phương, cơ quan, đơn vị; phát hiện các cá nhân, tập thể, hộ gia đình có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua; biểu dương, tôn vinh, nêu gương các điển hình tiên tiến, người tốt, việc tốt; đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Chương III

DANH HIỆU THI ĐUA VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG VÀ TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Mục 1

KHEN THƯỞNG CẤP NHÀ NƯỚC

Điều 7. Tập thể, cá nhân đề nghị tặng thưởng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cấp Nhà nước thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng, Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ, Thông tư số 01/2024/TT-BNV ngày 24/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Mục 2

DANH HIỆU THI ĐUA VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 8. Danh hiệu thi đua đối với cá nhân

1. “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”.

2. “Chiến sĩ thi đua tỉnh Hà Nam”.
3. “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.
4. “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”.

Điều 9. Danh hiệu thi đua đối với tập thể, hộ gia đình

1. Danh hiệu thi đua đối với tập thể gồm:
 - a) “Cờ thi đua của Chính phủ”.
 - b) Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh.
 - c) “Tập thể lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng”.
 - d) “Tập thể lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến”.
 - đ) Xã, phường, thị trấn tiêu biểu.
 - e) Thôn, tổ dân phố văn hóa.
2. Danh hiệu thi đua đối với hộ gia đình là “Gia đình văn hóa”.

Điều 10. Danh hiệu Lao động tiên tiến

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét tặng hằng năm vào thời điểm kết thúc năm công tác hoặc năm học cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Luật Thi đua, khen thưởng và đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; nội quy, quy chế của cơ quan, đơn vị.
- b) Tích cực học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ;
- c) Có đạo đức, lối sống lành mạnh;
- d) Đạt 2/3 số phiếu đồng ý, tính trên tổng số thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp cơ sở (*nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì xin ý kiến bằng phiếu bầu*);
- đ) Tỷ lệ % cá nhân đạt danh hiệu Lao động tiên tiến do đơn vị quy định.

2. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét tặng hằng năm cho công nhân, nông dân, người lao động đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 3 Điều 24 Luật Thi đua, khen thưởng và đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Công nhân có sáng kiến, giải pháp mang lại lợi ích cho đơn vị hoặc có đóng góp trong việc đào tạo, bồi dưỡng, giúp đỡ đồng nghiệp để nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề.
- b) Nông dân có mô hình sản xuất hiệu quả, ổn định hoặc giúp đỡ hộ nông dân khác phát triển kinh tế, tạo việc làm cho người lao động.

3. Việc bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến” trong một số trường hợp cụ thể được thực hiện như sau:

- a) Cá nhân tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản của Nhà nước, của Nhân dân dẫn đến bị thương tích

cần điều trị, điều dưỡng theo kết luận của cơ sở y tế cấp huyện hoặc tương đương trở lên thì thời gian điều trị, điều dưỡng được tính để bình xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”;

b) Cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì thời gian học tập được tính vào thời gian công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị để được bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”;

Trường hợp cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ 01 năm trở lên thì thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng được tính vào thời gian để bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định chung, trong thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng, cá nhân phải chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, hoàn thành nhiệm vụ học tập, đạt kết quả học tập từ loại khá trở lên (đối với các khóa đào tạo, bồi dưỡng có xếp loại trung bình, khá, giỏi...);

c) Đối với cá nhân chuyên công tác hoặc được điều động, biệt phái đến cơ quan, tổ chức, đơn vị khác trong một thời gian nhất định thì việc bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến” do cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ (đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức) hoặc cơ quan, tổ chức, đơn vị mới (đối với cá nhân không phải là cán bộ, công chức, viên chức) thực hiện. Trường hợp có thời gian công tác ở cơ quan cũ từ 06 tháng trở lên phải có ý kiến nhận xét của cơ quan cũ;

d) Không xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” đối với các cá nhân mới tuyển dụng dưới 06 tháng.

Điều 11. Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” để tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 23 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được xét tặng cho cá nhân hằng năm.

Điều 12. Danh hiệu Chiến sĩ thi đua tỉnh Hà Nam

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua tỉnh Hà Nam” để tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 22 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, công nhận hiệu quả và khả năng nhân rộng, phạm vi ảnh hưởng trong tỉnh của sáng kiến, đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ.

3. Thời điểm đề nghị xét công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua tỉnh Hà Nam là năm thứ 3 cá nhân đó đạt được danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở.

Điều 13. Danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến

Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” được xét tặng hàng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật Thi đua, khen thưởng và các quy định sau:

1. Đạt từ 80% trở lên số phiếu đồng ý tính trên tổng số thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp cơ sở (*nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng phiếu bầu*);

2. Tỷ lệ % tập thể đạt danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến do đơn vị quy định.

Điều 14. Danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc

1. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” được xét tặng hằng năm cho tập thể tiêu biểu xuất sắc được lựa chọn trong số những tập thể đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Thi đua, khen thưởng và đạt từ 80% trở lên số phiếu đồng ý tính trên tổng số thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp cơ sở (*nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng phiếu bầu*).

2. Đối tượng xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” bao gồm:

a) Đối với cấp tỉnh gồm: Phòng, ban và tương đương thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương;

b) Đối với cấp huyện gồm: Phòng, ban và tương đương; các đơn vị trực thuộc cấp huyện, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn;

c) Đối với đơn vị sự nghiệp gồm: Trường học, bệnh viện và tương đương; các đơn vị trực thuộc như khoa, phòng, ban và tương đương (trừ các tổ thuộc cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên và cơ sở giáo dục mầm non); trạm y tế xã, phường, thị trấn;

d) Đối với các đơn vị sản xuất, kinh doanh gồm: doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác, hợp tác xã (trừ các tập đoàn kinh tế, tổng công ty) và các đơn vị trực thuộc như chi nhánh, văn phòng đại diện, xí nghiệp, phòng, phân xưởng.

Điều 15. Danh hiệu Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Danh hiệu Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng hằng năm cho tập thể dẫn đầu phong trào thi đua của cụm, khối thi đua đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 26 của Luật Thi đua, khen thưởng và quy định sau:

Được bình xét, đánh giá thông qua các cụm, khối thi đua. Riêng các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh, các đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, huyện, thị xã, thành phố phải được Ban Thường vụ Tỉnh ủy đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Trường hợp đặc biệt, Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ báo cáo, xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định.

2. Số lượng tập thể được đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Cờ thi đua như sau:

Khối thi đua các cơ quan Đảng; Khối thi đua Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội; Khối thi đua Kinh tế ngành; Khối thi đua Văn hóa - Xã hội; Khối thi đua các huyện, thị xã, thành phố: Mỗi khối lựa chọn 01 tập thể.

Khối thi đua Nội chính; Khối thi đua Tổng hợp: 02 tập thể

Khối thi đua các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh: Mỗi cụm thi đua lựa chọn 01 tập thể.

Mỗi cụm, khối thi đua thuộc các sở, ban, ngành, đoàn thể, các đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức Hội đặc thù; Khối các trường đại học, cao đẳng, trung cấp...: được lựa chọn 01 tập thể dẫn đầu phong trào thi đua của cụm, khối thi đua trong số các tập thể đạt danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng” để đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Cờ thi đua. Trường hợp đặc biệt, cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh báo cáo, xin ý kiến cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Danh hiệu Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho tập thể dẫn đầu phong trào thi đua theo chuyên đề do tỉnh phát động có thời gian thực hiện từ 03 năm trở lên khi tổng kết phong trào, được Ban Chỉ đạo chuyên đề hoặc cơ quan chủ trì, thường trực của phong trào bình xét, đề nghị khen thưởng và đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; nội bộ đoàn kết; tổ chức đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh; tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống, tham nhũng, tiêu cực và các tệ nạn xã hội khác.

b) Có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong số các tập thể thực hiện chuyên đề đạt chất lượng, hiệu quả cao, đóng góp thiết thực vào hoàn thành nhiệm vụ công tác của cơ quan, đơn vị, địa phương.

c) Số lượng tập thể được tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” trong các phong trào thi đua theo chuyên đề do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

Điều 16. Danh hiệu xã, phường, thị trấn tiêu biểu

Danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” được xét tặng hằng năm cho các xã, phường, thị trấn đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Luật Thi đua, khen thưởng; Nghị định số 86/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định về khung tiêu chuẩn và trình tự, thủ tục, hồ sơ xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” và được thực hiện theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 17. Danh hiệu thôn, tổ dân phố văn hóa

Danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hóa” được xét tặng hằng năm cho các thôn, tổ dân phố trong phạm vi cấp xã đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Thi đua, khen thưởng; Nghị định số 86/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định về khung tiêu chuẩn và trình tự, thủ tục, hồ sơ xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” và được thực hiện theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 18. Danh hiệu “Gia đình văn hóa”

Danh hiệu “Gia đình văn hóa” được xét tặng hằng năm cho hộ gia đình đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật Thi đua, khen thưởng; Nghị định số 86/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định về khung tiêu chuẩn và trình tự, thủ tục, hồ sơ xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” và được thực hiện theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Mục 3

HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG VÀ TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 19. Giấy khen

1. Giấy khen để xét tặng hoặc truy tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích được bình xét trong các phong trào thi đua;

b) Lập được thành tích đột xuất;

c) Có đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công tác xã hội, từ thiện nhân đạo của cơ quan, đơn vị, địa phương;

d) Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết, gương mẫu chấp hành nội quy, quy chế làm việc của cơ quan, đơn vị; thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

2. Giấy khen để xét tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua;

b) Lập được thành tích đột xuất;

c) Có đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công tác xã hội, từ thiện nhân đạo của cơ quan, đơn vị, địa phương.

d) Đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở; thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách đối với các thành viên trong tập thể; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

3. Giấy khen để tặng cho gia đình

a) Giấy khen của Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện để tặng cho gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội.

b) Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã để tặng cho gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội.

4. Thủ trưởng cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Tổng Giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, hợp tác xã căn cứ vào tình hình thực tế quyết định mức đóng góp của tập thể, hộ gia đình, cá nhân nêu tại điểm c khoản 1, điểm c khoản 2 và khoản 3 Điều này để khen thưởng.

5. Việc tặng thưởng Giấy khen được tiến hành thường xuyên, kịp thời cho các cá nhân, tập thể hoàn thành tốt nhiệm vụ ngay sau khi kết thúc đợt thi đua ngắn

ngày, đợt thi đua theo chuyên đề hoặc hoàn thành một hạng mục công trình và do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp xem xét, quyết định.

Điều 20. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 74 của Luật Thi đua, khen thưởng.

Đối với việc khen thưởng công nhân, nông dân, người lao động lập được nhiều thành tích trong lao động, sản xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong địa bàn cấp xã, cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp được thực hiện theo quy định sau:

Công nhân "Lao động giỏi, lao động sáng tạo" là công nhân trực tiếp lao động, có sáng kiến, cải tiến kỹ thuật được ứng dụng trong thực tiễn giúp tiết kiệm nguyên liệu, chi phí, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh mang lại giá trị kinh tế trên 100 triệu đồng mỗi năm được Giám đốc các doanh nghiệp đánh giá công nhận.

Nông dân "Sản xuất, kinh doanh giỏi" là nông dân đạt các tiêu chuẩn sau: Có mô hình phát triển ổn định từ 02 năm trở lên với thu nhập hàng năm trên 200 triệu đồng, đã hướng dẫn và phổ biến kiến thức, kinh nghiệm sản xuất, kinh doanh cho ít nhất 05 gia đình, tạo việc làm cho từ 10 lao động trở lên có thu nhập ổn định, đảm bảo vệ sinh môi trường được Ủy ban nhân dân cấp xã đánh giá công nhận.

Vào dịp ngày Quốc tế Lao động 01/5 hàng năm, Liên đoàn Lao động tỉnh phối hợp với các doanh nghiệp, lựa chọn không quá 50 công nhân; vào dịp ngày truyền thống của Hội Nông dân 14/10, Hội Nông dân tỉnh phối hợp với các huyện, thị xã, thành phố lựa chọn không quá 50 nông dân tiêu biểu.

2. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng hoặc truy tặng cho doanh nhân, trí thức, nhà khoa học chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này hoặc có thành tích đóng góp vào sự phát triển của tỉnh được tỉnh công nhận.

3. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết và đạt một trong các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 3 Điều 74 của Luật Thi đua, khen thưởng hoặc được bình xét thông qua khối thi đua do tỉnh tổ chức.

Quy định về việc xét tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho các khối thi đua của tỉnh trong dịp tổng kết năm như sau:

Mỗi Khối thi đua thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý được xét chọn 02 tập thể để đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen. Trường hợp khối thi đua có 08 đơn vị trở lên thì được đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng 03 Bằng khen. Trường hợp đơn vị được Khối suy tôn đề nghị Cờ thi đua của Chính phủ, Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh nhưng không được Ban Thường vụ Tỉnh ủy đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thì cơ quan thường trực của

Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh báo cáo, xin ý kiến cấp có thẩm quyền xem xét, chuyển xuống Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho doanh nghiệp và tổ chức kinh tế khác chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại khoản 3 Điều này hoặc có thành tích đóng góp vào sự phát triển của tỉnh được tỉnh công nhận.

5. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho tổ chức, cá nhân, hộ gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có nhiều đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội (đối với doanh nghiệp giá trị đóng góp từ 500 triệu đồng; tập thể: giá trị đóng góp từ 200 triệu đồng; cá nhân: giá trị đóng góp từ 100 triệu đồng) trở lên.

6. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho các tập thể, cá nhân có nhiều thành tích nhân dịp tổ chức kỷ niệm ngày truyền thống, ngày thành lập năm tròn, năm chẵn, đại hội, có nhiều thành tích đóng góp cho công tác thi đua, khen thưởng....

7. Khen thưởng đột xuất:

a) Tập thể, cá nhân đạt giải Đặc biệt, giải Nhất, Nhì, Ba (hoặc tương đương) cấp quốc gia, quốc tế và khu vực, gồm:

Cá nhân là học sinh, sinh viên, giáo viên, giảng viên trực tiếp bồi dưỡng học sinh, sinh viên; đạo diễn, diễn viên, nhạc công thuộc đoàn nghệ thuật của tỉnh; cá nhân có tác phẩm văn học, nghệ thuật hoặc tác phẩm báo chí; vận động viên, huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện vận động viên, tham gia các giải thể thao, đại hội thể thao toàn quốc, khu vực, châu lục và thế giới...;

Tập thể là đoàn nghệ thuật của tỉnh; nhóm tác giả có tác phẩm văn học, nghệ thuật hoặc tác phẩm báo chí; cặp vận động viên hoặc đội tuyển vận động viên tham gia đại hội thể thao toàn quốc, khu vực, châu lục và thế giới...

Trong trường hợp tập thể, cá nhân đạt nhiều giải ở nội dung trong một cuộc thi thì chỉ được xét khen thưởng cho thành tích cao nhất.

b) Tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong đầu tư và thu hút đầu tư.

c) Tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội hoặc có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản của Nhà nước, của Nhân dân.

d) Một số trường hợp đặc biệt khác do Sở Nội vụ và các tập thể, cá nhân phát hiện, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng.

8. Khen thưởng phong trào thi đua theo chuyên đề

a) Đối với phong trào thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh hưởng ứng, phát động khi sơ kết, tổng kết phong trào thi đua hoặc để thúc đẩy việc thực hiện phong trào thi đua thì lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong thực hiện phong trào thi đua đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, tặng Bằng khen.

b) Đối với phong trào thi đua do cơ quan, đơn vị, địa phương phát động, khi tổng kết lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong thực hiện phong trào thi đua để đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, tặng Bằng khen (nếu có).

c) Đối với việc khen thưởng các tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến: trên cơ sở kế hoạch tuyên truyền và nhân rộng điển hình tiên tiến của Ủy ban nhân dân tỉnh, các đơn vị phát hiện, lựa chọn, giới thiệu các điển hình tiên tiến để đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, tặng Bằng khen (nếu có).

9. Khen thưởng trong công tác đối ngoại:

Các tổ chức, cá nhân ngoài tỉnh, người Việt Nam đang sinh sống ở nước ngoài, người nước ngoài và các tổ chức người nước ngoài có nhiều thành tích đóng góp vào sự nghiệp xây dựng phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng của tỉnh.

Điều 21. Bằng khen, Giấy khen của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh

Việc khen thưởng bằng hình thức bằng khen của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở cấp tỉnh, giấy khen của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội do cơ quan trung ương của các tổ chức này quy định.

Chương IV

TỔ CHỨC CỤM THI ĐUA, KHỐI THI ĐUA VÀ CÔNG NHẬN MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ CỦA CÁC TẬP THỂ

Điều 22. Khối thi đua, kinh phí hoạt động và giải thưởng khối thi đua

1. Các khối thi đua thuộc tỉnh:

- Khối thi đua các cơ quan Đảng
- Khối thi đua Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội
- Khối thi đua Nội chính
- Khối thi đua Tổng hợp
- Khối thi đua Kinh tế ngành
- Khối thi đua Văn hoá - Xã hội
- Khối thi đua các huyện, thị xã, thành phố
- Khối thi đua các Doanh nghiệp.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận các cụm thi đua, khối thi đua thuộc tỉnh; cụm thi đua, khối thi đua thuộc và trực thuộc các cơ quan, đơn vị, địa phương; Khối các Hội do Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ ở tỉnh, các trường đại học, cao đẳng, trung cấp...

3. Ủy ban nhân dân tỉnh cấp kinh phí cho khối thi đua thuộc tỉnh để tổ chức hoạt động với số tiền 03 triệu đồng/01 đơn vị thành viên/năm.

4. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh đánh giá chất lượng hoạt động của các khối thi đua thuộc tỉnh, lựa chọn 04 khối thi đua xuất sắc tiêu biểu nhất để đề nghị

Ủy ban nhân dân tỉnh tặng 01 giải Nhất, thưởng 25 lần mức lương tối thiểu; tặng 01 giải Nhì, thưởng 20 lần mức lương tối thiểu; tặng 02 giải Ba, thưởng 15 lần mức lương tối thiểu/giải.

5. Kết quả thi đua của từng đơn vị sẽ được Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh so sánh với các đơn vị khác trong tỉnh. Nếu vượt điểm bình quân chung, đơn vị sẽ được Ủy ban nhân dân tỉnh thưởng 500.000 đồng/1 điểm vượt bình quân chung.

6. Các cơ quan, đơn vị và các huyện, thị xã, thành phố căn cứ vào tình hình cụ thể quy định chi tiết Điều này để đảm bảo phong trào thi đua có điều kiện hoạt động hiệu quả, thiết thực, tạo động lực tinh thần thúc đẩy thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và nhiệm vụ chính trị được giao.

Điều 23. Việc công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cá nhân, tập thể

1. Việc công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với cá nhân thực hiện theo quy định của Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức và các quy định có liên quan. Riêng đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý thì căn cứ vào kết quả đánh giá của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

2. Việc công nhận mức độ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đối với tập thể được thực hiện theo quy định của Đảng về kiểm điểm và đánh giá xếp loại chất lượng hàng năm đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị và quy định của tỉnh.

Chương V

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH KHEN THƯỞNG, THỦ TỤC, HỒ SƠ XÉT DANH HIỆU THI ĐUA VÀ HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Mục 1

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH KHEN THƯỞNG

Điều 24. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tặng Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh, danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua tỉnh Hà Nam”, danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”, bằng khen, kỷ niệm chương.

Điều 25. Thẩm quyền của Thủ trưởng, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác

1. Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và tương đương quyết định tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến” và giấy khen.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tặng danh hiệu thôn, tổ dân phố văn hóa, “Tập thể lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến” và giấy khen.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, giấy khen và danh hiệu “Gia đình văn hóa”.

4. Tổng giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, hợp tác xã quyết định tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến” và giấy khen; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên quyết định tặng giấy khen.

Mục 2

THỦ TỤC, HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 26. Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

Thủ tục, hồ sơ đề nghị khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật Thi đua, khen thưởng; từ Điều 33 đến Điều 44 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ và bộ thủ tục hành chính về lĩnh vực thi đua, khen thưởng theo quy định hiện hành.

Khi đề nghị khen thưởng cho tập thể, cá nhân là người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước, thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội với người lao động, thực hiện các quy định về môi trường, hồ sơ đề nghị phải có xác nhận của cơ quan quản lý có thẩm quyền về việc thực hiện chính sách bảo hiểm đối với người lao động, việc thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước; đảm bảo môi trường, an toàn vệ sinh lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm trong khoảng thời gian báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng.

Hồ sơ đề nghị tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước đối với người đứng đầu doanh nghiệp, doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác thuộc đối tượng phải kiểm toán theo quy định của Luật Kiểm toán Nhà nước và Luật Kiểm toán độc lập thì cần phải có thêm báo cáo (hoặc văn bản xác nhận) kết quả kiểm toán tương ứng với thời gian tính thành tích trước khi đề nghị khen thưởng. Đối với doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác không thuộc đối tượng phải kiểm toán thì trong báo cáo thành tích phải nêu căn cứ không thuộc đối tượng phải kiểm toán.

Điều 27. Khen thưởng theo thủ tục đơn giản

Việc đề nghị xét tặng hình thức khen thưởng theo thủ tục đơn giản được áp dụng đối với các trường hợp sau đây:

1. Việc khen thưởng phục vụ nhiệm vụ chính trị của Đảng, Nhà nước nhằm kịp thời động viên, khích lệ quần chúng;

2. Cá nhân, tập thể lập được thành tích xuất sắc đột xuất trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, trong lao động, công tác, sản xuất, kinh doanh, học tập và nghiên cứu khoa học hoặc lĩnh vực khác hoặc có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản của Nhà nước, của Nhân dân hoặc được giải thưởng quốc tế của khu vực hoặc thế giới;

3. Khen thưởng do người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phát hiện;

4. Khen thưởng cống hiến, khen thưởng niên hạn, khen thưởng đối ngoại;

5. Khen thưởng thành tích có nội dung bí mật nhà nước.

Chương VI

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 28. Quy trình xét duyệt khen thưởng

1. Đối với các tập thể và các cá nhân không thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý:

Đề nghị khen cấp tỉnh: Sở Nội vụ thẩm định thành tích, báo cáo cấp có thẩm quyền (nếu có), sau đó trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Đề nghị khen cấp Nhà nước: Sở Nội vụ thẩm định thành tích, báo cáo Thường trực Tỉnh ủy, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh, sau đó trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng.

2. Đối với các tập thể, cá nhân thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy quản lý thực hiện theo Quy chế làm việc của Tỉnh ủy.

3. Đối với các trường hợp phải có ý kiến của thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh thì Hội đồng tổ chức họp, trường hợp không thể tổ chức họp, Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh ủy quyền cho cơ quan thường trực xin ý kiến các thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh bằng phiếu.

Điều 29. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh là cơ quan tham mưu, tư vấn cho cấp ủy, chính quyền về công tác thi đua, khen thưởng của tỉnh.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh gồm các thành viên:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh là Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh;

b) Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách Văn hóa - Xã hội là Phó Chủ tịch thứ nhất Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh;

c) Giám đốc Sở Nội vụ là Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh;

d) Các thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh:

- Các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy;

- Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy;

- Trưởng Ban Nội chính Tỉnh ủy;

- Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;

- Trưởng Ban Dân vận Tỉnh ủy;

- Chánh Văn phòng Tỉnh ủy;

- Giám đốc Công an tỉnh;

- Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh;

- Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;

- Chủ tịch Liên đoàn Lao động tỉnh;
- Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Giám đốc Sở Tài chính;
- Chánh Thanh tra tỉnh;
- Trưởng phòng Thi đua, khen thưởng - Sở Nội vụ.

3. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh có các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

a) Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền;

b) Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và từng giai đoạn;

c) Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra các phong trào thi đua và thực hiện các chủ trương, chính sách pháp luật về thi đua, khen thưởng;

d) Tham mưu, tư vấn cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tặng thưởng danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

đ) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh có quy chế và kế hoạch hoạt động. Thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng được cung cấp tài liệu; được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, khen thưởng nếu có đóng góp tích cực vào phong trào thi đua và công tác khen thưởng của tỉnh.

e) Phòng Thi đua, khen thưởng thuộc Sở Nội vụ là cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

Điều 30. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp, các ngành

Người đứng đầu Ủy ban nhân dân cấp huyện, sở, ban, ngành thuộc tỉnh và các đơn vị có tư cách pháp nhân trực thuộc tỉnh; Người đứng đầu Ủy ban nhân dân cấp xã, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị, người đại diện pháp luật của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác có trách nhiệm thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, thành phần, tổ chức và hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của cấp mình để tham mưu, tư vấn về công tác thi đua, khen thưởng thuộc phạm vi quản lý.

Chương VII QUỸ THI ĐUA KHEN THƯỞNG

Điều 31. Thành lập quỹ thi đua, khen thưởng

1. Quỹ thi đua, khen thưởng của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước hàng năm trong tổng chi ngân sách thường xuyên đối

với mỗi cấp ngân sách thuộc tỉnh và được phân bổ ngay từ đầu năm theo tỷ lệ sau:

a) Quỹ thi đua, khen thưởng của sở, ban, ngành cấp tỉnh, đơn vị sự nghiệp do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên hoặc đảm bảo một phần chi thường xuyên, được hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước hàng năm với mức tối đa bằng 20% tổng quỹ tiền lương theo ngạch, bậc của cán bộ, công chức, viên chức trong biên chế và tiền công được duyệt cả năm và từ nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài;

b) Quỹ thi đua, khen thưởng của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước hàng năm với mức tối đa bằng 1,0% chi ngân sách thường xuyên đối với mỗi cấp ngân sách thuộc tỉnh và từ nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài.

2. Quỹ thi đua, khen thưởng của các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi thường xuyên hoặc đảm bảo chi một phần và chi đầu tư do các tổ chức này tự quyết định từ nguồn khả năng tài chính của mình và từ nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài.

3. Các doanh nghiệp nhà nước được sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi trích lập theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp; pháp luật về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước để chi cho nội dung thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

4. Việc thành lập, quản lý, sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế (trừ các doanh nghiệp nhà nước quy định tại khoản 3 Điều này) do doanh nghiệp tự quyết định, tự chịu trách nhiệm sau khi thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của Nhà nước.

5. Quỹ thi đua, khen thưởng của các hợp tác xã nông, lâm nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, hợp tác xã vận tải, hợp tác xã xây dựng và trong các lĩnh vực khác được trích từ quỹ không chia của hợp tác xã (mức trích do hợp tác xã quyết định) và nguồn đóng góp của các cá nhân, tổ chức trong nước, ngoài nước.

6. Quỹ thi đua, khen thưởng của các cơ sở giáo dục tự thực và dân lập được tự quyết định, tự chịu trách nhiệm sau khi thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của Nhà nước.

Điều 32. Quản lý quỹ thi đua, khen thưởng

Quỹ thi đua, khen thưởng của cấp nào do cơ quan được giao tham mưu thực hiện công tác thi đua, khen thưởng phối hợp với cơ quan tài chính cấp đó quản lý.

Đối với cấp tỉnh, nguồn kinh phí chi cho công tác thi đua, khen thưởng do cơ quan được giao tham mưu thực hiện công tác thi đua, khen thưởng cấp tỉnh phối hợp với cơ quan tài chính cấp tỉnh quản lý và sử dụng theo tỷ lệ quy định trên cơ sở dự toán; việc quyết toán căn cứ số chi thực tế theo đúng chế độ, chính sách quy định.

Điều 33. Sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng

1. Quỹ thi đua, khen thưởng được dùng để chi tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng; chi thưởng đối với danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho thành tích đạt được trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (trừ danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng); chi in, làm hiện vật khen thưởng hoặc tặng phẩm lưu niệm cho cá nhân, tập thể, hộ gia đình. Trích 20% trong tổng quỹ thi đua, khen thưởng của từng cấp để chi tổ chức phát động, chỉ đạo triển khai, chỉ đạo, sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua; công tác tuyên truyền, phổ biến nhân điển hình tiên tiến, học tập, trao đổi kinh nghiệm về thi đua, khen thưởng; kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng; họp xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về công tác thi đua, khen thưởng. Mức chi cụ thể thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Sở Nội vụ chi các khoản kinh phí để in ấn và mua sắm hiện vật khen thưởng từ nguồn ngân sách nhà nước cấp hàng năm để cấp phát kèm theo các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng do Chủ tịch nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khen thưởng.

3. Cá nhân, tập thể, hộ gia đình được khen thưởng ngoài việc được tặng các danh hiệu thi đua, Cờ thi đua, danh hiệu vinh dự Nhà nước, Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước; tặng hoặc truy tặng Huân chương, Huy chương, Bằng khen, Kỷ niệm chương, Giấy khen kèm theo hiện vật khen thưởng còn được thưởng tiền hoặc tặng phẩm lưu niệm có giá trị tương đương theo quy định tại các Điều 54, 55, 56, 57, 58 và Điều 59 của Nghị định 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ theo nguyên tắc:

a) Trong cùng một thời điểm, cùng một thành tích, một đối tượng nếu đạt nhiều danh hiệu thi đua kèm theo các mức tiền thưởng khác nhau thì nhận mức tiền thưởng cao nhất.

b) Trong cùng một thời điểm, một đối tượng đạt nhiều danh hiệu thi đua, có thời gian đạt được các danh hiệu thi đua đó khác nhau thì được nhận tiền thưởng của các danh hiệu thi đua tương ứng.

c) Trong cùng một thời điểm, một đối tượng đạt nhiều hình thức khen thưởng, có thời gian, thành tích đạt được các hình thức khen thưởng đó khác nhau thì được nhận tiền thưởng của các hình thức khen thưởng tương ứng.

d) Trong cùng thời điểm, một đối tượng vừa được công nhận danh hiệu thi đua vừa được quyết định hình thức khen thưởng thì được nhận tiền thưởng của danh hiệu thi đua và của hình thức khen thưởng.

4. Cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cá nhân, tập thể người nước ngoài; cơ quan, tổ chức nước ngoài và các tổ chức quốc tế ở Việt Nam được khen thưởng được nhận hiện vật khen thưởng và kèm theo tặng phẩm lưu niệm có giá trị tương đương theo quy định tại các Điều 54, 55, 56, 57, 58 và Điều 59 của Nghị định 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ.

5. Khen cho các doanh nghiệp, doanh nhân và các tập thể, cá nhân thuộc doanh nghiệp dịp tổng kết cuối năm kinh phí khen thưởng do doanh nghiệp tự chi trả.

Chương VIII **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 34. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương

Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh, các đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Giám đốc các doanh nghiệp tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện Luật Thi đua, khen thưởng, các văn bản hướng dẫn thi hành của Trung ương và Quy chế này, đồng thời xây dựng, ban hành Quy chế thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương mình đảm bảo tính chặt chẽ, thống nhất; hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị trong phạm vi quản lý việc triển khai thực hiện công tác thi đua, khen thưởng bảo đảm đúng quy định của pháp luật.

Điều 35. Trách nhiệm của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chi tiết tiêu chuẩn và việc xét tặng danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”; danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hóa” và danh hiệu “Gia đình văn hóa” trên cơ sở khung tiêu chuẩn quy định tại Nghị định số 86/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định về khung tiêu chuẩn và trình tự, thủ tục, hồ sơ xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”.

Điều 36. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

1. Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập và tổ chức hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh theo đúng quy định của pháp luật.

2. Tham mưu quyết định thành lập các cụm thi đua, khối thi đua và việc tổ chức hoạt động, bình xét, đề nghị khen thưởng của các cụm thi đua, khối thi đua bảo đảm đúng quy định.

3. Kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương và các cụm thi đua, khối thi đua tổ chức thực hiện quy định này.

4. Sở Nội vụ có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi kiểm tra, đôn đốc các cấp, các ngành thực hiện đúng Quy chế này. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh với Sở Nội vụ để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.